

Báo cáo thị trường

# Báo cáo ngày: TVS Research khuyến nghị NĐT nên giảm dần tỷ trọng cổ phiếu trong các phiên tới

05/08/2024

## VN-Index giảm 48.5 điểm (-3.9%) xuống mức 1,188

- Khối ngoại bán ròng 678 tỷ VND trong phiên giao dịch hôm nay, trong đó các mã bị bán ròng mạnh nhất là HPG (222 tỷ VND), FPT (81 tỷ VND) và MWG (79 tỷ VND)
- NĐT cá nhân trong nước mua ròng 585 tỷ VND, trong đó các mã được mua mạnh nhất là FPT (154 tỷ VND), TCB (137 tỷ VND) và VCB (122 tỷ VND)

## TVS Research khuyến nghị NĐT tiếp tục thận trọng quan sát trong những phiên tới

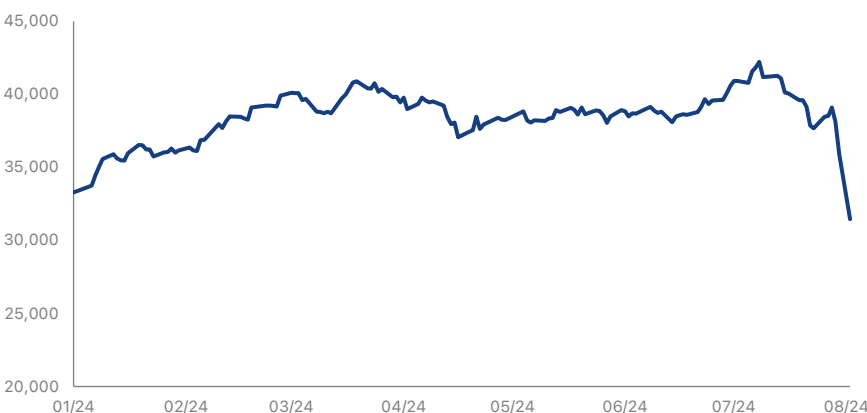
- Theo TVS Research, phiên giảm mạnh hôm nay của VN-Index ảnh hưởng chủ yếu khi các thị trường chứng khoán châu Á bị bán tháo. Chúng tôi cũng thay đổi quan điểm so với báo cáo trước khi tình hình kinh tế vĩ mô Mỹ có xu hướng xấu đi nhanh hơn so với dự báo của các tổ chức kinh tế lớn và có thể rơi vào suy thoái. Điều này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế vĩ mô Việt Nam trong giai đoạn nửa cuối năm 2024. Do đó, TVS Research cho rằng NĐT nên giảm tỷ trọng cổ phiếu trong các phiên tới và quan sát diễn biến của thị trường trước khi đưa ra quyết định giải ngân

## Chênh lệch basis ở mức +0.9 điểm

- Chỉ số VN30F1M giảm 42.9 điểm (-3.4%) xuống mức 1,233 và chỉ số VN30 giảm 48.9 điểm (-3.8%) xuống mức 1,232

## Thị trường chứng khoán Nhật Bản lao dốc do lo ngại kinh tế Mỹ có thể rơi vào suy thoái và ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế thế giới

Chỉ số Nikkei 225 [điểm]



Nguồn: TVS Research tổng hợp

## Tổng quan thị trường

Chỉ tiêu	Giá trị	%Thay đổi
<b>VN-Index</b>		
Đóng cửa	1,188	-3.9%
KLGD [triệu CP]	967	48.6%
GTGD [tỷ VND]	23,741	45.0%
Khớp lệnh	21,217	35.6%
Thoả thuận	2,523	250.3%
<b>HNX-Index</b>		
Đóng cửa	223	-5.4%
KLGD [triệu CP]	87	63.9%
GTGD [tỷ VND]	1,682	55.5%
<b>UPCoM</b>		
Đóng cửa	91	-4.5%
KLGD [triệu CP]	65	38.2%
GTGD [tỷ VND]	1,036	5.9%

## Mục lục

- Diễn biến TT VN và quốc tế ▶
- Vì sao thị trường giảm điểm? ▶
- Quan điểm thị trường ▶
- Các thông tin đáng chú ý ▶
- Thị trường phái sinh & chứng quyền ▶
- Danh sách cổ phiếu khuyến nghị ▶
- Phụ lục: Tổng quan hiệu suất thị trường ▶

**Nguyễn Đức Anh**  
anhnd@tvs.vn

Tổng quan thị trường hôm nay

# Khối ngoại bán ròng trở lại

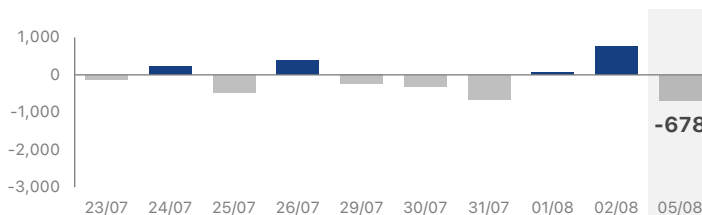
**VN-Index** ▼ 1,188 (-3.9%)  
966.7 triệu CP 23,741 tỷ VND (+45.0%)

**HNX-Index** ▼ 223 (-5.4%)  
86.8 triệu CP 1,682 tỷ VND (+55.5%)

**UPCoM-Index** ▼ 91 (-4.5%)  
64.5 triệu CP 1,036 tỷ VND (+5.9%)

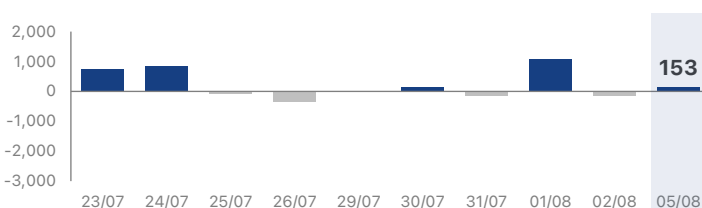
## Khối ngoại bán ròng 678 tỷ VND

Giá trị mua/bán ròng của Tổ chức nước ngoài [tỷ VND]



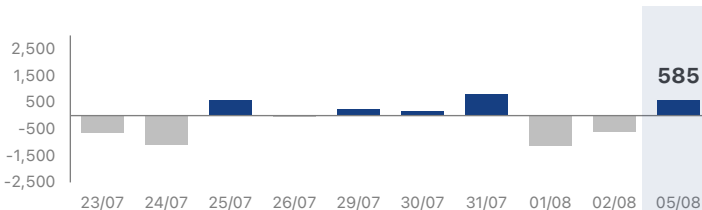
## Tổ chức trong nước mua ròng 153 tỷ VND

Giá trị mua/bán ròng của Tổ chức trong nước [tỷ VND]



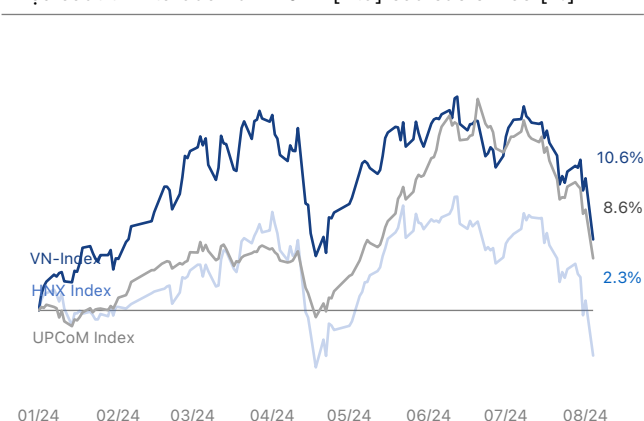
## NĐT trong nước mua ròng 585 tỷ VND

Giá trị mua/bán ròng của NĐT trong nước [tỷ VND]



## UpCoM Index có hiệu suất giảm mạnh nhất

Hiệu suất tính từ đầu năm 2024 [Ytd] của các chỉ số [%]



## Không có thị trường nào tăng điểm sự lo ngại của NĐT đối với sự bất ổn của thị trường kinh tế thế giới

Hiệu suất từ đầu năm 2024 tới nay của các chỉ số chứng khoán chính [%]

Chỉ số	Quốc gia	Giá đóng cửa [điểm]	GTGD [triệu USD]	Thay đổi giá		Định giá		Chỉ báo kỹ thuật			
				1 ngày	YTD	P/E	P/B	Kháng cự	Hỗ trợ	RSI	MA (20)
VN-Index	Việt Nam	1,188	618	-3.9%	5.0%	14.4	1.7	1,155	1,080	28	1,255
HNX-Index	Việt Nam	223	41	-3.8%	-3.2%	14.4	1.2	250	230	25	238
S&P 500	Mỹ	5,347	114,573	-1.8%	12.7%	25.0	4.8	4,590	4,180	39	5,527
Dow Jones	Mỹ	39,737	28,268	-1.5%	5.4%	22.8	5.1	35,600	34,000	46	40,240
FTSE 100	Anh	8,175	5,669	-1.3%	5.9%	14.3	1.9	7,700	7,200	46	8,214
Euro Stoxx 50	Euro	4,639	11,265	-2.7%	2.8%	13.6	1.9	4,410	4,160	32	4,883
Shanghai Composite	Trung Quốc	2,861	42,990	-1.5%	-3.4%	13.7	1.2	3,310	3,000	35	2,934
SZSE Component	Trung Quốc	8,395	22,469	-1.9%	-10.7%	19.4	1.8	12,500	10,000	37	8,691
Hang Seng	Hồng Kông	16,698	6,547	-1.5%	-0.5%	9.5	1.0	20,300	16,700	35	17,439
Nikkei 225	Nhật Bản	31,458	34,745	-12.4%	-6.0%	23.0	1.9	33,450	31,400	18	39,282
KOSPI	Hàn Quốc	2,442	9,446	-8.8%	-8.5%	15.8	1.0	2,650	2,470	22	2,779

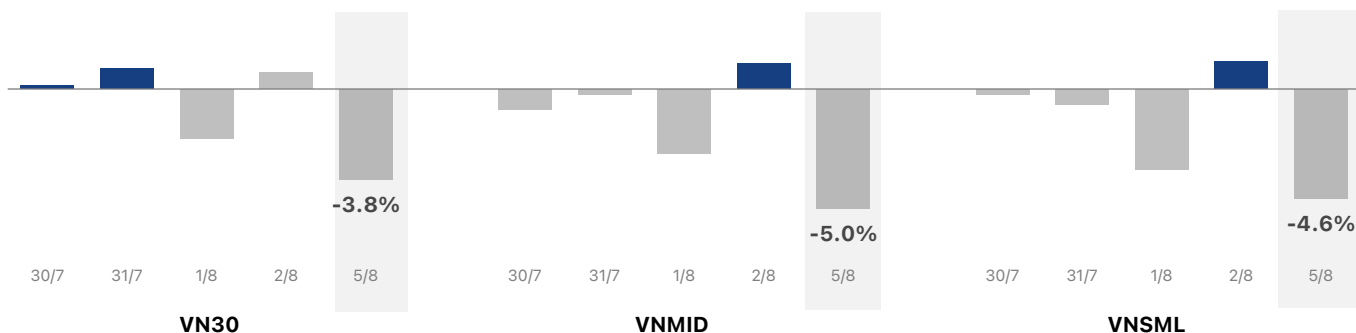
Ghi chú: Các chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 được lấy giá trị giao dịch ngày hôm trước

Nguồn: Bloomberg, TVS Research

## Diễn biến giao dịch theo nhóm chỉ số & ngành

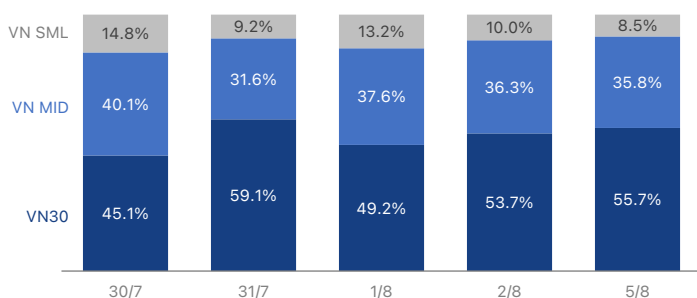
### 3 nhóm chỉ số đều giảm điểm trong đó VN MID giảm mạnh nhất

% Thay đổi 1 ngày của các nhóm chỉ số [%]



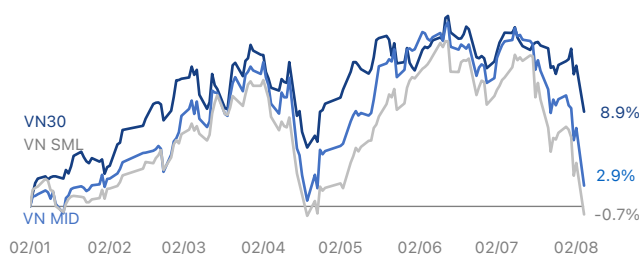
### GTGD tập trung vào nhóm VN30

Tỷ trọng GTGD theo các nhóm chỉ số [%]



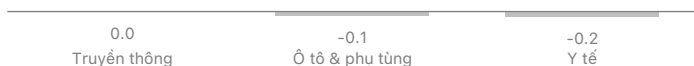
### Cả 3 nhóm đều giảm hiệu suất trong hôm nay

Hiệu suất tính từ đầu năm 2024 của các chỉ số [%]



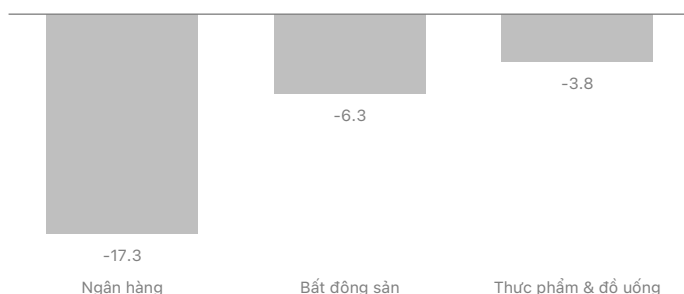
### Không có nhóm nào tác động tích cực...

3 ngành đóng góp tích cực nhất vào VN-Index [điểm]



### ... trong khi nhóm Ngân hàng và BĐS bị bán mạnh

3 ngành tác động tiêu cực nhất vào VN-Index [điểm]



### Định giá P/E CP Ngân hàng thấp hơn TB 5 năm

P/E TTM các nhóm ngành [x] và P/E TTM TB 5 năm [x]

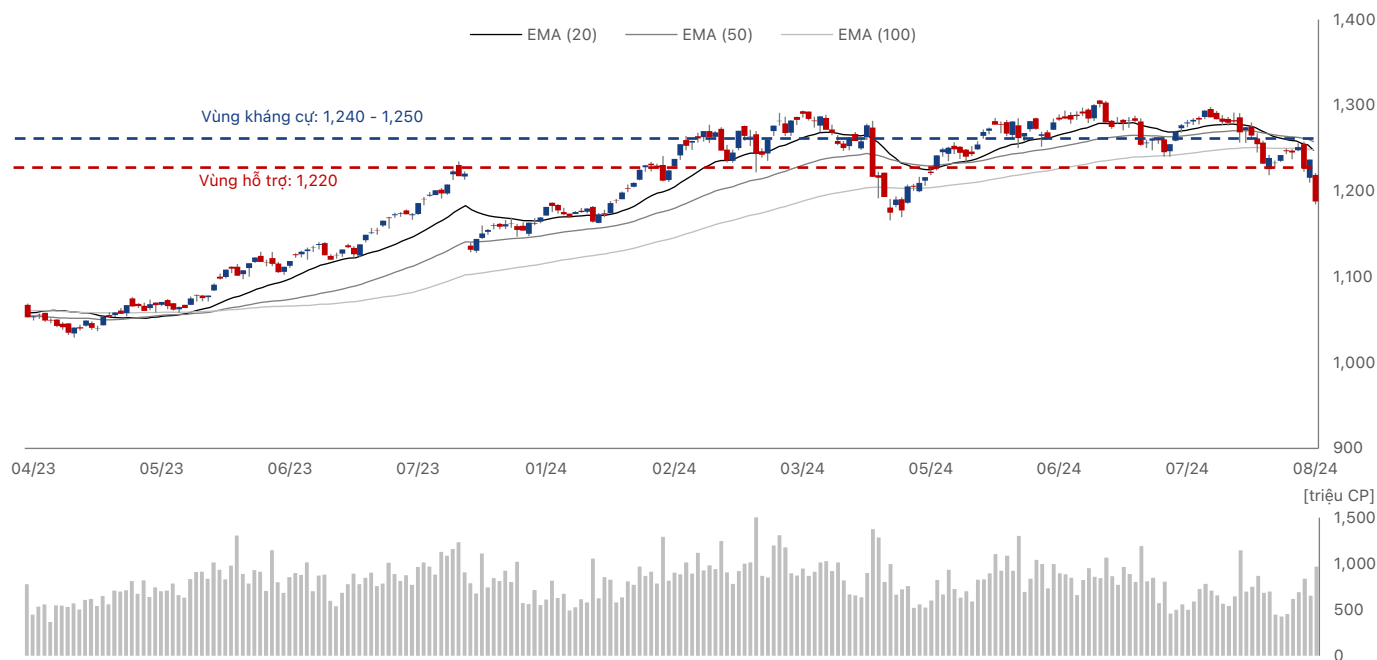
Ngành	P/E TTM	P/E TB 5 năm
Ngân hàng	9.7	11.0
Bất động sản	16.7	20.1
Thực phẩm và đồ uống	23.4	20.0
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	18.5	14.2
Tài nguyên Cơ bản	28.3	18.3
Dịch vụ tài chính	19.2	14.4
Hóa chất	24.5	15.1
Công nghệ Thông tin	29.0	16.3
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.6	16.8
Xây dựng và Vật liệu	26.9	16.5
Du lịch và Giải trí	1025.7	31.6
Bán lẻ	72.6	21.8
Dầu khí	12.9	16.0
Hàng cá nhân & Gia dụng	16.7	11.4
Bảo hiểm	13.4	19.3
Y tế	15.0	14.6
Ô tô và phụ tùng	16.7	14.9
Truyền thông	93.0	80.0
Viễn thông	89.2	81.8

Vì sao thị trường giảm điểm?

# VN-Index giảm mạnh xuống dưới ngưỡng 1,200

## NĐT nên tiếp tục giảm tỷ trọng trong các phiên tới và quan sát diễn biến của thị trường

Biểu đồ VN-Index và các chỉ báo kỹ thuật [điểm]



Chỉ báo động lượng	Giá trị	GT so sánh	Hành động	Chỉ báo trung bình động	Giá trị	GT so sánh	Hành động
Relative Strength Index	28	50	<b>Bán</b>	Simple Moving Average (20)	1,257	1,188	<b>Bán</b>
Stochastic %K	0	40	<b>Bán</b>	Simple Moving Average (50)	1,267	1,188	<b>Bán</b>
Momentum (10)	28	40	<b>Bán</b>	Simple Moving Average (100)	1,259	1,188	<b>Bán</b>
MACD level (12,36)	-28	0	<b>Bán</b>	Simple Moving Average (200)	1,211	1,188	<b>Bán</b>
<b>Tín hiệu mua</b>			<b>0</b>	Exponential Moving Average (20)	1,247	1,188	<b>Bán</b>
Tín hiệu trung tính			<b>0</b>	Exponential Moving Average (50)	1,257	1,188	<b>Bán</b>
<b>Tín hiệu bán</b>			<b>4</b>	Exponential Moving Average (100)	1,247	1,188	<b>Bán</b>
				Exponential Moving Average (200)	1,213	1,188	<b>Bán</b>
				Bollinger Band (20)	1,257	1,188	<b>Bán</b>
				<b>Tín hiệu mua</b>			<b>0</b>
				Tín hiệu trung tính			<b>0</b>
				<b>Tín hiệu bán</b>			<b>9</b>

• Tại báo cáo trước, chúng tôi khuyến nghị NĐT giảm tỷ trọng khi VN-Index giảm xuống dưới 1,200. Hiện tại, VN-Index đã rơi xuống dưới hỗ trợ 1,200 và chưa có lực cầu bắt đáy tại vùng này. Chúng tôi cho rằng khả năng thị trường sẽ tiếp tục bị bán trong ngắn hạn. Do đó, NĐT nên tiếp tục giảm tỷ trọng trong các phiên tới và quan sát diễn biến của thị trường trước khi đưa ra quyết định giải ngân

## Thông tin vĩ mô

**Số liệu thị trường lao động của Mỹ trong T7 ở mức thấp nhất kể từ sau COVID cùng tỷ lệ lạm phát tiếp tục tăng lên mức 4.3% có thể là cảnh báo sớm cho việc Mỹ có khả năng bước vào giai đoạn suy thoái kinh tế.** Theo TVS Research, lo ngại về việc FED có thể chậm thực hiện các biện pháp hỗ trợ nền kinh tế là nguyên nhân chính khiến việc bán tháo diễn ra trên thị trường chứng khoán toàn cầu trong phiên đầu tuần.

## Thông tin ngành / doanh nghiệp

**GAS (HOSE, giá đóng cửa: 76,500 VND, -3.0%):** Nhập khẩu dầu thô của châu Á trong tháng 7 đạt 24.9 triệu thùng dầu/ngày (-6.1% MoM) và là mức thấp nhất hàng ngày kể từ tháng 7/2022, theo dữ liệu do LSEG Oil Research tổng hợp. Trong 7 tháng đầu năm, nhập khẩu của châu Á đạt trung bình 26.8 triệu thùng/ngày, giảm 340,000 thùng/ngày so với cùng kỳ năm 2023. Sự sụt giảm liên tục trong nhập khẩu dầu của châu Á làm suy yếu dự báo về tăng trưởng mạnh mẽ về nhu cầu dầu của khu vực từ nhóm xuất khẩu hàng đầu Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC). Chúng tôi cho rằng điều này đến từ nhu cầu vẫn yếu ở quốc gia nhập khẩu hàng đầu Trung Quốc và giảm tại Ấn Độ. Với tình hình các nền kinh tế lớn trên toàn cầu đang chậm là và các NĐT có thể bị ảnh hưởng tâm lý do suy thoái, chúng tôi kỳ vọng giá dầu sẽ dao động quanh ngưỡng 80 USD/thùng trong H2 2024. Mức giá này thấp hơn kỳ vọng của chúng tôi và thị trường, do đó có thể ảnh hưởng tiêu cực tới giá CP dầu khí Việt Nam như PVD, PVS, BSR, GAS.

**VJC (HOSE, giá đóng cửa: 99,900 VND, -4.7%):** Khách du lịch quốc tế đến Việt Nam trong 7T2024 khoảng 10 triệu (+51% YoY, +1.9% so với cùng kỳ 2019), trong đó chiếm thị phần lớn lần lượt là Hàn Quốc (26%), Trung Quốc (21%) và Đài Loan (7%). Cục hàng không Việt Nam dự báo thị trường quốc tế sẽ là động lực chính cho sự tăng trưởng chung của toàn thị trường trong khi thị trường nội địa tiếp tục chịu ảnh hưởng tiêu cực từ giá vé cao do thiếu hụt tàu bay, tỷ giá, lãi suất và giá nhiên liệu. Cơ quan này dự báo vận chuyển hành khách quốc tế sẽ đạt 43.5 triệu lượt (+33.4% YoY và +4.3% so với 2019) trong năm 2024. TVS Research cho rằng nhu cầu mạnh mẽ từ vận chuyển hành khách quốc tế sẽ tác động tích cực đến KQKD của các DN vận tải hàng không, đặc biệt là các DN có thị phần lớn như VJC.

1/8 **Việt Nam - Công bố PMI sản xuất**  
Thực tế: 54.7, Kỳ trước: 54.7

2/8 **Mỹ - Công bố số liệu tỷ lệ thất nghiệp T7 2024**  
Thực tế: 4.3% YoY, Kỳ trước: 4.1% YoY

14/8 **Mỹ- Công bố CPI T7 2024**  
Kỳ trước: 3% YoY

15/8 **Đáo hạn hợp đồng phái sinh chỉ số VN30**

20/8 **Châu Âu- Công bố CPI T7 2024**  
Kỳ trước: 2.6% YoY

29/8 **Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế vĩ mô T7 2024**

Vì sao thị trường giảm điểm?

# Diễn biến thị trường phái sinh, chứng quyền

## Thị trường phái sinh

### Chênh lệch basis quay lại mức dương

Diễn biến hợp đồng tương lai VN30 [điểm]



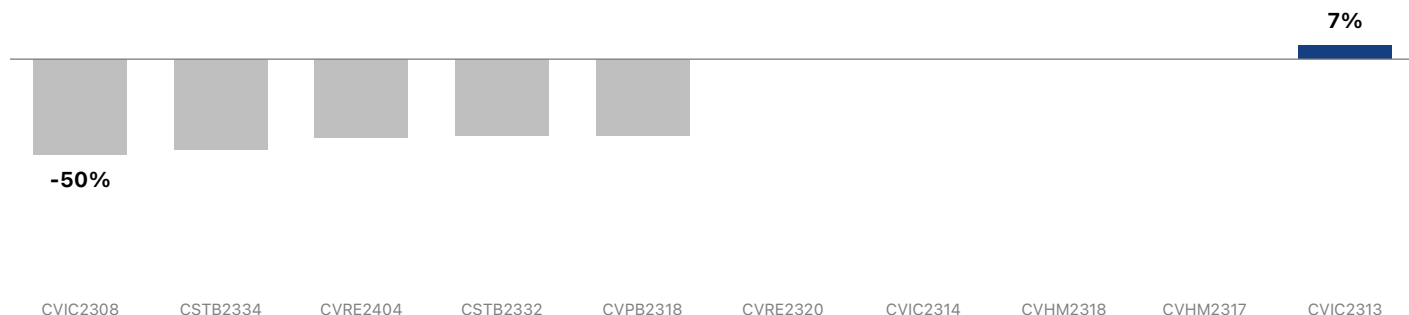
Chỉ số VN30F1M giảm 42.9 điểm (-3.4%) xuống mức 1,233 và chỉ số VN30 giảm 48.9 điểm (-3.8%) xuống mức 1,232

### Số mã chứng quyền giảm chiếm ưu thế

- Thị trường chứng quyền hôm nay có 101 mã giảm ở mức bình quân -20.5% và 1 mã tăng ở mức bình quân +7.1%

### Mã chứng quyền CVIC2308 giảm mạnh nhất, -50% trong phiên hôm nay

Diễn biến thị trường chứng quyền [%]



Nguồn: Fiinpro, TVS Research

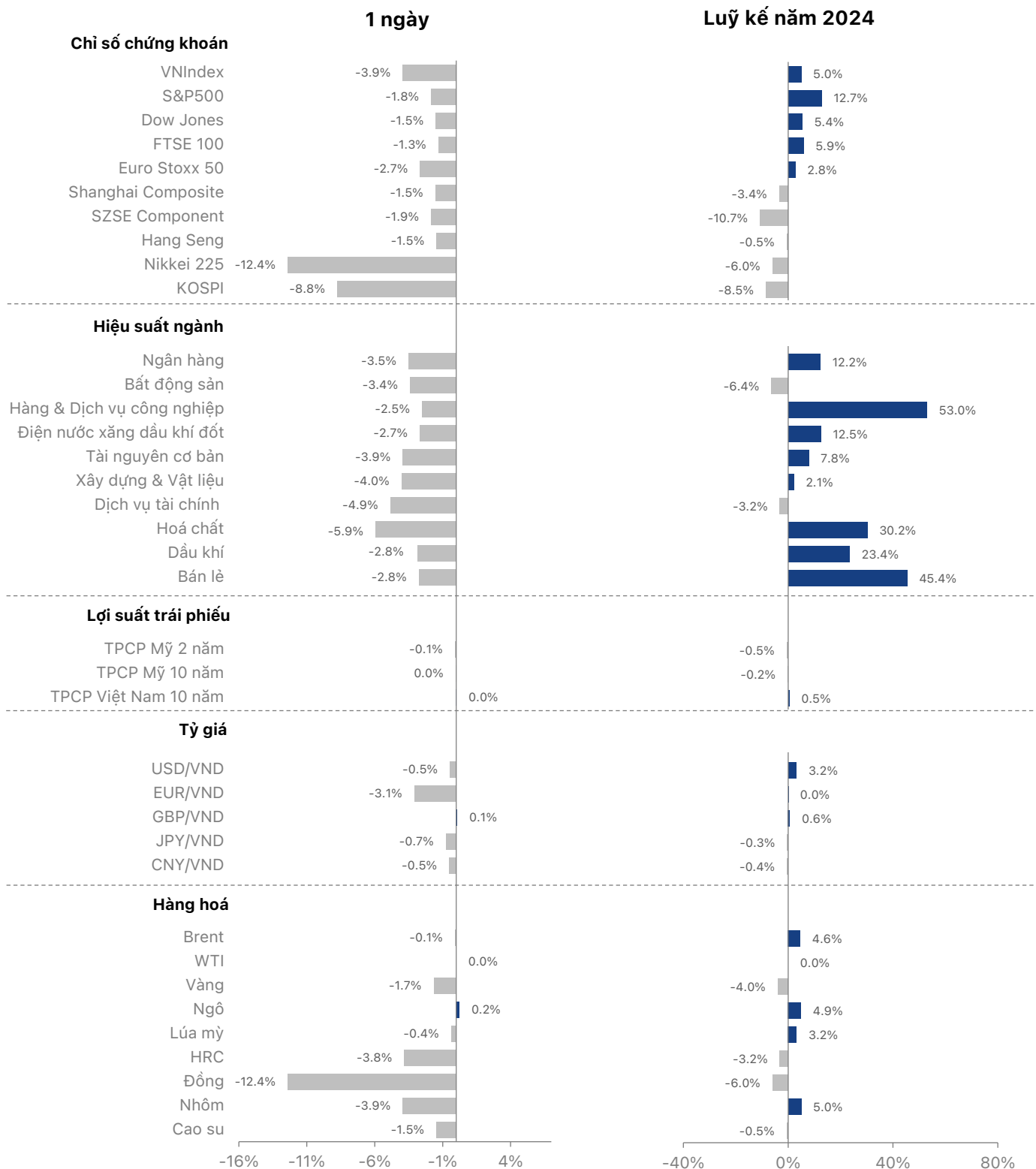
## Danh sách cổ phiếu khuyến nghị

Mã	Ngành ICB cấp 2	Thông tin thị trường					Định giá				
		Giá đóng cửa [VND]	Vốn hoá [tỷ VND]	Beta 6m	% ngày	% YTD	P/E (TTM)	P/B (TTM)	Giá mục tiêu	+/-	Ngày ra BC
KBC	Bất động sản	24,350	18,691	2.1	-6%	-18%	79.5	1.0	40,300	66%	16/05
SSI	Dịch vụ tài chính	29,600	44,671	1.3	-5%	-5%	15.7	1.8	43,300	46%	16/05
PVD	Dầu khí	25,950	14,425	1.7	-7%	-1%	22.6	0.9	25,100	45%	16/05
QTP	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14,300	6,480	1.2	-2%	2%	10.6	1.2	20,500	43%	16/05
PVS	Dầu khí	37,800	18,067	1.6	-6%	5%	19.6	1.4	50,300	33%	16/05
NLG	Bất động sản	37,800	14,545	2.0	-4%	9%	34.3	1.6	48,500	28%	16/05
VHC	Thực phẩm và đồ uống	67,000	15,038	1.1	-5%	17%	20.7	1.8	84,200	26%	16/05
VCB	Ngân hàng	86,900	485,692	0.6	-2%	10%	14.6	2.7	107,200	23%	16/05
MBB	Ngân hàng	22,950	121,780	0.9	-4%	30%	5.6	1.2	28,200	23%	16/05
HPG	Tài nguyên Cơ bản	25,950	165,983	1.2	-5%	7%	14.9	1.5	31,200	20%	16/05
TCB	Ngân hàng	22,300	157,104	1.1	-5%	52%	7.3	1.2	25,100	13%	16/05
MWG	Bán lẻ	61,600	90,054	1.4	-2%	48%	40.9	3.5	68,800	12%	16/05
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	75,600	23,473	1.1	-7%	18%	18.8	2.5	81,000	7%	16/05

## Danh sách báo cáo phát hành gần đây

Loại báo cáo	Tiêu đề	Công ty/Ngành	Ngày phát hành
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo vĩ mô T6 2024	Vĩ mô	08/07/2024
Báo cáo thị trường	Báo cáo thị trường T6 2024	Thị trường	08/07/2024
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo vĩ mô T5 2024	Vĩ mô	05/06/2024
Báo cáo thị trường	Báo cáo thị trường T5 2024	Thị trường	05/06/2024
BCCL đầu tư Q1 2024	Báo cáo chiến lược đầu tư Q1 2024	Toàn thị trường	16/05/2024
BCCL vĩ mô Q1 2024	Báo cáo chiến lược - Vĩ mô Q1 2024	Vĩ mô	16/05/2024
BCCL thị trường Q1 2024	Báo cáo chiến lược - Thị trường Q1 2024	Thị trường	16/05/2024
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo vĩ mô T4 2024	Vĩ mô	08/05/2024
Báo cáo thị trường	Báo cáo thị trường T4 2024	Thị trường	08/05/2024
Báo cáo ngành	Báo cáo KQKD Q1 2024	Ngành	06/05/2024
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo vĩ mô T3 2024	Vĩ mô	08/04/2024
Báo cáo thị trường	Báo cáo thị trường T3 2024	Thị trường	08/04/2024
Báo cáo vĩ mô	Báo cáo vĩ mô T2 2024	Vĩ mô	08/03/2024
Báo cáo thị trường	Báo cáo thị trường T2 2024	Toàn thị trường	08/03/2024

# Tổng quan hiệu suất thị trường



Ghi chú: Các ngành được tính hiệu suất bao gồm cổ phiếu trên cả 3 sàn HSX, HNX và UPCoM

Các chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 tính toán dựa trên giá đóng cửa phiên giao dịch ngày hôm trước

Nguồn: Bloomberg, Fiiipro, TVS Research



# Tổng quan KQKD Q2 2024 toàn thị trường

Mã	Giá đóng cửa	Vốn hóa	DT Q4/2023	% YoY	DT 2023	% YoY	LNST Q4/2023	% YoY	LNST 2023	% YoY	ROE (TTM)	ROA (TTM)	EPS (TTM)	BVPS	P/E (TTM)	P/B (TTM)
<b>Ngân hàng (27/27 DN)</b>		<b>1,970,905</b>	<b>163,301</b>	<b>16.0%</b>	<b>314,373</b>	<b>11.8%</b>	<b>60,900</b>	<b>21.9%</b>	<b>118,348</b>	<b>15.6%</b>	<b>14.1%</b>	<b>1.2%</b>			<b>11.0</b>	<b>1.4</b>
VCB	86,900	485,692	16,752	-4.1%	34,032	-5.4%	8,125	9.4%	16,711	1.8%	19.5%	1.8%	5,962	32,491	14.6	2.7
BID	46,100	262,790	20,225	17.2%	37,396	8.3%	6,534	17.7%	12,450	12.1%	18.8%	1.0%	4,006	22,745	11.5	2.0
CTG	30,150	161,905	19,640	10.5%	38,707	11.3%	5,409	2.8%	10,412	3.1%	15.9%	1.0%	3,782	25,149	8.0	1.2
TCB	22,300	157,104	13,420	43.9%	25,681	37.9%	6,270	39.2%	12,547	38.8%	16.2%	2.5%	3,048	19,470	7.3	1.2
VPB	18,150	144,001	16,128	26.2%	29,539	17.5%	3,633	48.1%	6,775	65.2%	9.1%	1.4%	1,531	16,796	11.9	1.1
<b>Bất động sản (97/130 DN)</b>		<b>788,734</b>	<b>99,242</b>	<b>-8.7%</b>	<b>151,693</b>	<b>-23.6%</b>	<b>17,763</b>	<b>19.7%</b>	<b>23,416</b>	<b>-26.1%</b>	<b>5.9%</b>	<b>2.1%</b>			<b>18.4</b>	<b>1.0</b>
VIC	41,300	157,917	43,304	-8.4%	65,043	-24.6%	684	71.0%	2,019	104.1%	2.9%	0.6%	956	33,832	43.2	1.2
VHM	34,500	150,226	28,218	-13.5%	36,429	-41.2%	10,609	8.8%	11,513	-46.9%	12.7%	5.1%	5,325	44,208	6.5	0.8
BCM	67,500	69,863	1,162	6.2%	1,973	4.7%	394	N/A	513	950.4%	15.2%	5.2%	2,674	18,263	25.3	3.7
VRE	16,800	38,175	2,479	14.1%	4,733	15.0%	1,021	2.1%	2,104	3.9%	11.7%	9.3%	1,975	17,573	8.5	1.0
KDH	34,500	31,374	645	10.7%	978	-2.9%	280	9.4%	344	-24.7%	4.5%	2.3%	766	15,112	45.1	2.3
<b>Thực phẩm và đồ uống (102/156 DN)</b>		<b>684,499</b>	<b>126,235</b>	<b>22.3%</b>	<b>213,539</b>	<b>11.8%</b>	<b>10,341</b>	<b>8.8%</b>	<b>17,616</b>	<b>2.5%</b>	<b>10.0%</b>	<b>4.7%</b>			<b>24.2</b>	<b>2.3</b>
SAB	52,000	66,693	8,086	-2.7%	15,270	5.1%	1,319	9.0%	2,343	5.8%	17.2%	12.7%	3,303	18,594	15.7	2.8
QNS	46,900	17,499	2,820	-10.5%	5,343	1.2%	690	-3.1%	1,222	18.8%	27.9%	18.9%	6,664	24,144	7.1	2.0
KDC	56,600	16,403	1,717	-25.6%	3,532	-19.1%	11	-98.5%	33	-94.2%	-6.9%	-4.0%	(1,819)	23,359	-31.1	2.4
<b>Hàng &amp; Dịch vụ Công nghiệp (139/267 DN)</b>		<b>530,008</b>	<b>74,563</b>	<b>23.4%</b>	<b>121,213</b>	<b>4.3%</b>	<b>11,731</b>	<b>12.8%</b>	<b>19,160</b>	<b>20.2%</b>	<b>13.8%</b>	<b>7.8%</b>			<b>16.7</b>	<b>2.2</b>
GMD	75,600	23,473	1,181	29.5%	2,187	20.5%	418	-75.7%	1,074	-45.5%	13.8%	8.8%	4,021	30,481	18.8	2.5
GEX	20,300	17,285	8,250	3.2%	14,910	3.5%	1,104	69.3%	1,357	97.8%	8.4%	2.0%	1,245	15,530	16.3	1.3
PVT	26,500	9,434	2,994	41.6%	5,530	33.0%	370	-5.3%	664	5.3%	13.9%	5.7%	2,802	19,745	9.5	1.3
<b>Xây dựng và vật liệu (188/346 DN)</b>		<b>239,227</b>	<b>71,545</b>	<b>21.6%</b>	<b>111,737</b>	<b>7.9%</b>	<b>4,206</b>	<b>41.5%</b>	<b>6,880</b>	<b>56.4%</b>	<b>5.6%</b>	<b>2.0%</b>			<b>20.2</b>	<b>1.1</b>
VGC	40,700	18,248	2,712	-31.0%	5,351	-20.2%	171	-72.7%	408	-47.5%	9.9%	3.4%	1,776	18,068	22.9	2.3
HUT	16,400	14,637	6,430	1851.9%	11,634	1763.3%	61	375.8%	93	579.3%	0.7%	0.2%	71	9,592	229.8	1.7
VCS	115,600	13,223	3,012	11.5%	5,635	11.8%	125	0.7%	241	3.7%	27.7%	7.7%	4,590	16,380	25.2	7.1
<b>Tài nguyên cơ bản (77/117 DN)</b>		<b>276,963</b>	<b>141,492</b>	<b>22.0%</b>	<b>246,489</b>	<b>8.6%</b>	<b>5,184</b>	<b>327.0%</b>	<b>8,800</b>	<b>219.2%</b>	<b>6.8%</b>	<b>3.1%</b>			<b>19.6</b>	<b>1.3</b>
KSV	57,700	11,540	3,432	5.7%	6,583	18.6%	504	N/A	580	776.4%	25.4%	6.4%	3,181	13,921	18.1	4.1
TVN	9,200	6,355	10,077	49.6%	17,590	16.6%	130	N/A	176	N/A	-0.3%	-0.1%	(34)	12,076	-277.0	0.8
ACG	41,000	6,182	1,026	6.0%	1,721	4.4%	118	8.8%	200	37.8%	11.8%	9.0%	3,259	27,033	12.6	1.5
<b>Dịch vụ tài chính (42/60 DN)</b>		<b>246,714</b>	<b>13,257</b>	<b>14.5%</b>	<b>25,010</b>	<b>18.7%</b>	<b>3,767</b>	<b>17.4%</b>	<b>7,785</b>	<b>50.1%</b>	<b>7.3%</b>	<b>3.0%</b>			<b>19.3</b>	<b>1.3</b>
VND	14,200	21,617	1,458	-9.1%	2,843	-1.8%	345	-19.6%	962	70.4%	14.5%	5.7%	1,869	11,354	7.6	1.3
VCI	40,800	18,030	916	82.9%	1,722	72.2%	279	138.8%	477	151.1%	9.8%	4.1%	1,780	20,046	22.9	2.0
HCM	23,000	16,191	1,094	86.2%	1,957	60.7%	313	99.3%	590	110.1%	11.0%	4.8%	1,730	15,148	13.3	1.5
<b>Các ngành khác (382/565 DN)</b>		<b>1,854,482</b>	<b>501,176</b>	<b>13.9%</b>	<b>955,208</b>	<b>10.8%</b>	<b>24,725</b>	<b>43.3%</b>	<b>50,080</b>	<b>23.9%</b>	<b>9.2%</b>	<b>3.9%</b>			<b>24.4</b>	<b>2.2</b>
PNJ	95,200	31,850	9,519	42.9%	22,113	34.3%	429	27.0%	1,167	7.4%	20.3%	15.4%	6,196	32,028	15.4	3.0
VSH	50,000	11,812	413	-37.2%	762	-50.8%	67	-74.3%	69	-90.7%	6.9%	3.5%	1,373	19,718	36.4	2.5
POW	13,300	31,147	9,407	11.6%	15,650	-1.3%	450	148.5%	667	-19.8%	3.5%	1.5%	467	13,489	28.5	1.0
DTK	13,300	9,081	3,724	25.6%	6,916	17.8%	266	52.0%	491	5.5%	6.7%	3.4%	808	12,167	16.5	1.1
VTP	69,500	8,464	4,945	0.5%	9,619	-0.7%	93	-4.6%	152	-12.6%	22.7%	5.5%	2,943	13,154	23.6	5.3
<b>VN30 (30/30 DN)</b>	<b>1,232</b>	<b>3,413,777</b>	<b>492,539</b>	<b>16.4%</b>	<b>910,548</b>	<b>10.9%</b>	<b>85,280</b>	<b>24.1%</b>	<b>155,478</b>	<b>10.3%</b>	<b>12.1%</b>	<b>1.6%</b>			<b>14.2</b>	<b>1.6</b>
<b>VN100 (100/100 DN)</b>	<b>1,217</b>	<b>4,349,168</b>	<b>652,890</b>	<b>15.8%</b>	<b>1,179,682</b>	<b>8.4%</b>	<b>102,830</b>	<b>18.3%</b>	<b>187,439</b>	<b>8.6%</b>	<b>11.1%</b>	<b>1.7%</b>			<b>14.9</b>	<b>1.5</b>
<b>HOSE (395/416 DN)</b>	<b>1,188</b>	<b>4,867,433</b>	<b>836,790</b>	<b>14.0%</b>	<b>1,494,092</b>	<b>5.4%</b>	<b>113,771</b>	<b>23.6%</b>	<b>207,884</b>	<b>12.9%</b>	<b>10.5%</b>	<b>1.8%</b>			<b>15.1</b>	<b>1.5</b>
<b>HNX (289/317 DN)</b>	<b>223</b>	<b>315,711</b>	<b>115,668</b>	<b>17.3%</b>	<b>200,516</b>	<b>8.1%</b>	<b>6,707</b>	<b>35.2%</b>	<b>11,269</b>	<b>25.8%</b>	<b>7.9%</b>	<b>2.5%</b>			<b>17.2</b>	<b>1.3</b>
<b>UPCOM (370/910 DN)</b>	<b>91</b>	<b>1,400,273</b>	<b>238,352</b>	<b>15.5%</b>	<b>444,654</b>	<b>11.7%</b>	<b>18,140</b>	<b>46.7%</b>	<b>32,931</b>	<b>22.6%</b>	<b>8.8%</b>	<b>3.0%</b>			<b>25.4</b>	<b>2.2</b>

Ghi chú: Vốn hoá, DT và LNST tính bằng đơn vị tỷ VND  
 Giá đóng cửa, EPS, BVPS tính bằng đơn vị VND/cổ phiếu  
 Nguồn: Fiinpro, TVS Research

## Tuyên bố miễn trừ

Báo cáo này được viết và phát hành bởi CTCP Chứng khoán Thiên Việt (TVS). Báo cáo được dựa trên các thông tin được thu thập từ các nguồn TVS đánh giá là đáng tin cậy, tuy nhiên TVS không chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Nhận định và quan điểm trong báo cáo thể hiện ý kiến của chuyên viên phân tích tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không đại diện cho quan điểm chung của TVS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo cho nhà đầu tư, không nhằm mục đích chào mời, xúi giục mua hoặc bán bất cứ chứng khoán nào được đề cập. Nhà đầu tư toàn quyền quyết định và tự chịu rủi ro trong việc sử dụng các thông tin và tham khảo các nhận định trên báo cáo. TVS tuyên bố miễn trách đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này.

## Hệ thống khuyến nghị

Các khuyến nghị Mua, Bán hoặc Nắm giữ chứng khoán được xác định dựa trên tổng lợi nhuận kỳ vọng, bằng tổng của chênh lệch giữa giá mục tiêu và thị giá hiện tại của cổ phiếu cộng với lợi tức cổ tức kỳ vọng. Các định nghĩa về Mức khuyến nghị cụ thể như sau:

Xếp hạng khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm > 20%
NẮM GIỮ	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm khoảng từ -10% đến 20%
BÁN	Tổng lợi nhuận kỳ vọng của cổ phiếu trong 1 năm < -10%

## Công ty cổ phần chứng khoán Thiên Việt – www.tvs.vn

### Hà Nội

Tầng 15, tòa nhà Harec  
4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội  
Phone: +84 (24) 7300 6588  
Fax: +84 (24) 3248 4821

### Hồ Chí Minh

Tầng 9, tòa nhà Bitexco Nam Long  
63A Võ Văn Tần, Quận 3, Hồ Chí Minh  
Phone: +84 (28) 7300 6588  
Fax: +84 (28) 299 2088

## Thông tin liên hệ

### BỘ PHẬN NGHIÊN CỨU

#### Vương Chí Tâm, CFA, FRM

P. Giám đốc phân tích  
tamvc@tvs.vn

#### Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Chuyên viên cao cấp  
hanhntk@tvs.vn

#### Nguyễn Đức Anh

Chuyên viên  
anhnd@tvs.vn

#### Phạm Nguyên Long

Chuyên viên cao cấp  
longpn@tvs.vn

#### Tiêu Phan Thanh Quang

Chuyên viên  
quangtpt@tvs.vn

#### Nguyễn Văn Đạt

Chuyên viên  
datnv@tvs.vn